

Bản án số: 359/2022/DS-ST

Ngày: 23/9/2022

Vv: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2021/DSST ngày 22 tháng 06 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 233/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A;

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà T – đường P, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1991;

2. Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1997;

3. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà S – đường K, Phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số: 009708.XX ngày 17 tháng 02 năm 2022) -
(Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn:

1. Ông Lê Quốc T, sinh năm 1980 (Có đơn xin vắng mặt);
2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: đường P, Khu phố X, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ Ngân hàng TMCP A có ông Nguyễn Hoàng H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP A có ký với ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L Hợp đồng tín dụng số 0049.HDTD.674.XX ngày 30/01/2018 với nội dung:

Ngân hàng TMCP A và ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L có thỏa thuận ký kết hợp đồng vay, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền: 900.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng);

- Mục đích vay: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Sedona;
- Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 01/02/2018 đến ngày 31/01/2025;
- Lãi suất tại thời điểm giải ngân: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,29%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ cộng biên độ 3.99 %/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.99%/năm;
- Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng trả 10.710.000 đồng, kỳ cuối trả: 11.070.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/02/2018;
- Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25;
- Trả phí: theo quy định của ngân hàng A từng thời kỳ;
- Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

Ngân hàng TMCP A đã giải ngân cho ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0049.KUNN.674.XX ngày 31/01/2018 với số tiền 900.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Do vậy ngân hàng TMCP A đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 25/02/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L đã thanh toán cho ngân hàng TMCP A số tiền là 201.015.243 đồng (trong đó: gốc là 132.528.312 đồng, lãi là 68.486.931 đồng).

Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi vay tính đến hết ngày 23/09/2022 cụ thể như sau:

Nợ gốc hợp đồng tín dụng số 0049.HĐTD.674.18 ngày 30/01/2018	767.471.688	Đồng
Nợ lãi trong hạn hợp đồng tín dụng số 0049.HĐTD.674.18 ngày 30/01/2018	213.727.439	Đồng
Nợ lãi quá hạn hợp đồng tín dụng số 0049.HĐTD.674.18 ngày 30/01/2018	209.265.244	Đồng
Tổng Cộng	1.190.464.370	Đồng

(Một tỷ, một trăm chín mươi triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi đồng).

Yêu cầu ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi theo quy tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 24/09/2022 cho đến khi ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nguyên đơn ngân hàng TMCP A không có yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA SEDONA, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Bạc, biển số đăng ký 51G-021.XX, số máy: D4HBHH8319XX, số khung: RNYH52A6JC1160XX đứng tên ông Lê Quốc T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 3451XX do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/01/2018— theo Hợp đồng thế chấp số 0049.HĐTC.674.XX ngày 30/01/2018.

Tại Bản tự khai ngày 18/3/2022 và bản tự khai ngày 23/6/2022 của bị đơn ông Lê Quốc T trình bày:

Ông xác nhận có ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn Ngân hàng TMCP A để vay số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, mục đích vay là để mua xe ô tô. Ông xác định còn nợ số tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh covid làm cho việc kinh doanh khó khăn nên ông không thu hồi công nợ được nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Ông đề nghị cho ông thời gian để ông sắp xếp thanh toán số tiền nợ trên cho nguyên đơn.

Tại Bản tự khai ngày 23/6/2022 của bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Lê Quốc T là bị đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng do Ngân hàng TMCP A khởi kiện. Bà thống nhất với ý kiến của ông Lê Quốc T, để mọi chuyện cho ông T giải quyết. Bà không có ý kiến gì khác.

Ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt vì lý do bận công việc.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 0049.HDTD.674.XX ngày 30/01/2018, do vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L cư trú tại địa chỉ số: P, Khu phố X, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, do vậy Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về hình thức

Nguyên đơn có ông Nguyễn Hoàng H là đại diện hợp pháp; bị đơn Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị hoà giải, xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L:

Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2022 tổng cộng là 1.190.464.370 (một tỷ một trăm chín mươi triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi) đồng, trong đó 767.471.688 (bảy trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm tám mươi tám) đồng là nợ gốc, 213.727.439 (hai trăm mười ba triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi chín) đồng nợ lãi trong hạn và 209.265.244 (hai trăm lẻ chín triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn) đồng nợ lãi quá hạn, theo hợp đồng tín dụng số 0049.HDTC.674.XX ngày 30/01/2018.

Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng Ngân hàng TMCP A đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 0049.HDTC.674.XX ngày 30/01/2018. Theo đó tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA SEDONA, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Bạc, biển số đăng ký 51G-021.XX, số máy: D4HBHH8319XX, số khung: RNYH52A6JC1160XX đứng tên ông Lê Quốc T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 3451XX do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/01/2018.

Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Quốc T xác nhận có ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn Ngân hàng TMCP A để vay số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, mục đích vay là để mua xe oto. Ông xác định còn nợ số tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh covid làm cho việc kinh doanh khó khăn nên ông không thu hồi công nợ được nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Ông đề nghị cho ông thời gian để ông sắp xếp thanh toán số tiền nợ trên cho nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị L thống nhất với ý kiến của ông Lê Quốc T, để mọi chuyện cho ông T giải quyết. Bà không có ý kiến gì khác.

Ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt vì lý do bận công việc.

Căn cứ vào đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0049.KUNN.674.XX được ký vào ngày 31/01/2018 đã có đủ căn cứ để xác định bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L đã được nguyên đơn Ngân hàng TMCP A giải ngân tổng cộng số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

Căn cứ vào Thông báo số: 80867.XX ngày 16/10/2019 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L đã vi phạm hợp đồng tín dụng số 0049.HĐTD.674.XX ngày 30/01/2018; Căn cứ vào phiếu gửi bưu điện thông báo yêu cầu trả nợ, thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng TMCP A cho ông Lê Quốc T và Nguyễn Thị L là vào ngày 14/4/2021 nên kể từ ngày 15/4/2021 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là ông Lê Quốc T và Nguyễn Thị L đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng cộng số tiền là: 201.015.243 đồng, trong đó nợ gốc là 132.528.312 đồng và nợ lãi là 68.486.931 đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A buộc bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L phải phải thanh toán số tiền tính đến ngày 23/9/2022, tổng cộng 1.190.464.370 (một tỷ một trăm chín mươi triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi) đồng, cụ thể: 767.471.688 (bảy trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm tám mươi tám) đồng là nợ gốc, 213.727.439 (hai trăm mười ba triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi chín) đồng nợ lãi trong hạn và 209.265.244 (hai trăm lẻ chín triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn) đồng nợ lãi quá hạn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 0049.HĐTD.674.XX ngày 30/01/2018 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 0049.HDTD.674.XX ngày 30/01/2018 cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ điểm g mục 1.4 Điều 1 của điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng số: 0049.HDTD.674.XX ngày 30/01/2018 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn có quy định “Đối với bất kỳ khoản tiền dư nợ gốc nào được cấp tín dụng theo tài liệu vay vốn (khoản tín dụng) đến hạn phải thanh toán mà bên được cấp tín dụng chưa thanh toán cho ngân hàng A là nợ quá hạn và sẽ chịu mức lãi suất bằng 150% của lãi suất đang được áp dụng cho khoản tín dụng (không tính theo lãi suất của chương trình ưu đãi/khuyến mãi) và được tính từ ngày khoản tiền gốc đó đến hạn phải thanh toán cho đến ngày bên được cấp tín dụng thanh toán đầy đủ khoản tiền gốc đó cho ngân hàng A”. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Xử lý tài sản bảo đảm.

Tại đơn khởi kiện, các buổi hòa giải, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không có yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA SEDONA, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Bạc, biển số đăng ký 51G-021.XX, số máy: D4HBHH8319XX, số khung: RNYH52A6JC1160XX đứng tên ông Lê Quốc T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 3451XX do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/01/2018— theo Hợp đồng thế chấp số 0049.HĐTC.674.XX ngày 30/01/2018. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Đối với ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là căn cứ, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là do nguyên nhân khách quan do tình hình dịch bệnh covid kéo dài, bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L không hợp tác gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng TMCP A và bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2022 tổng cộng là 1.190.464.370 (một tỷ một trăm chín mươi triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi) đồng, trong đó 767.471.688 (bảy trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm tám mươi tám) đồng là nợ gốc, 213.727.439 (hai trăm mười ba triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi chín) đồng nợ lãi trong hạn và 209.265.244 (hai trăm lẻ chín triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn) đồng nợ lãi quá hạn.

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 0049.HĐTD.674.XX ngày 30/01/2018. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 47.713.931 (bốn mươi bảy triệu bảy trăm mười ba nghìn chín trăm ba mươi một) đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A là 22.209.377 (hai mươi hai triệu hai trăm lẻ chín nghìn ba trăm bảy mươi bảy) đồng, theo biên lai thu số AA/2019/0042714 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A; bị đơn ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thúy).

Đào Lê Anh